

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

VÀI NÉT VỀ BAN THỜ *tổ tiên của người Việt*

NGUYỄN HẢI NINH*

LTS: Mỗi dịp đông phai, Toà soạn TCDSVH thường nhận được nhiều thư và điện thoại ở khắp mọi nơi trên đất nước gửi tới hỏi về ý nghĩa của ban thờ tổ tiên. Ban biên tập của Tạp chí đã đặt vấn đề với nhiều nhà nghiên cứu và xin trả lời thông qua bài viết của Hải Ninh. Qua đây chúng tôi mong bài viết này thay cho lời chúc xuân mới tới bạn đọc gần xa.

Tục thờ cúng tổ tiên đã được hình thành từ rất sớm đối với các cư dân ở vùng châu Á, đặc biệt với những tộc người chưa có điều kiện quan tâm nhiều tới hệ triết học trừu tượng, minh triết sâu xa có tầm thế giới. Trong không gian đó thì tục thờ cúng tổ tiên của người Việt là một sinh hoạt tâm linh thường trực đối với bất kể người nào. Nó không phụ thuộc vào tôn giáo, tín ngưỡng mà họ đã từng mang theo. Người Việt thường coi tổ tiên của dòng họ mình, nhà mình là thần linh riêng luôn đứng bên cạnh hỗ trợ về mọi lẽ đời, lẽ đạo của từng con người. Sở dĩ hiện tượng này dù cho mang tính tự nhiên, tự phát nhưng suy cho cùng đã được nhiều nhà nghiên cứu coi rằng nói xuất phát từ một khía cạnh của bản sắc văn hoá dân tộc. Hầu như trước đây, không một người Việt nào

quan niệm chết là hết, mà sự chết chỉ là hiện tượng chuyển kiếp từ không gian vật chất sang không gian tâm linh với một linh hồn vĩnh cửu mà thôi. Linh hồn này bất biến, tự nhiên, tự tại và luôn có khả năng chi phối lại với những kiếp đời ở trần gian. Một đặc điểm khác là, người Việt thường nhìn những linh hồn vĩnh cửu ấy "thuộc dòng họ của mình" là những chuẩn mực về cả đạo và đức, dù cho sinh thời kiếp đời đã qua đó vẫn còn nhiều nhược điểm. Suy cho cùng những bậc bề trên sau khi khuất núi thường được coi như thần linh của con cháu, mà người Việt đã từng nhận thức về thần linh như sau: "Anh tú của đất trời là sông núi, Anh tú của sông núi là thần linh..." (Bia chùa Bối Khê, Thanh Oai, Hà Tây) như vậy thần linh là vẻ đẹp thánh thiện của con người, có khả năng đem ân huệ đến cho đời. Chính vì những điều

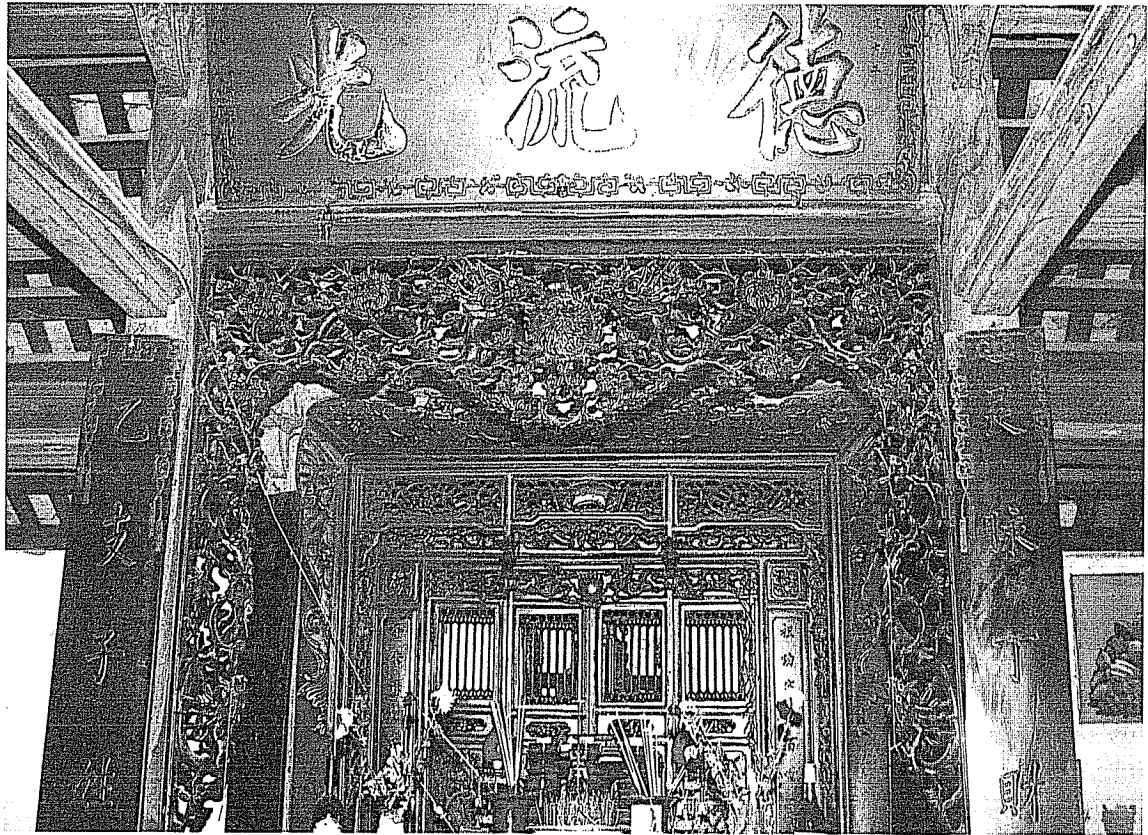
* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

đó người Việt đã "kính thần như thần tại". Trong nhận thức xưa, người Việt chưa có ý thức đẩy thần linh lên cao, thần luôn tồn tại cùng thế gian, đặc biệt là Ông, Bà, Cha, Mẹ... đó là một thế lực tinh thần đảm bảo sự an toàn về mặt tâm linh cho mọi con người trên đất Việt.

Tuy nhiên, việc ứng xử với thần linh, không phải nhận thức của mọi người trong cộng đồng đều nhất loạt như nhau, mà lệ thuộc vào thành phần giai tầng, vào học thức, vào tôn giáo, tín ngưỡng và cả sự giàu nghèo nữa. Hiện nay, nhiều người vẫn lầm tưởng rằng một bộ phận lớn cư dân ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ thường có tinh thần ứng xử với tổ tiên cao hơn cư dân của những vùng phía Bắc! Một số nhà lịch sử học văn hoá có đưa ra một "giả thiết để làm việc" đã giải thích rằng: Đất gốc của nền văn hoá toàn cộng đồng dân tộc bao giờ cũng phải nghĩ tới mẫu số chung là Bắc Bộ (về mặt văn hoá, có thể coi địa giới Bắc Bộ là vào đến tận sông Gianh, Hà Tĩnh). Hoàn cảnh lịch sử của thế kỷ 17-18, với nạn kiêm tính ruộng đất của địa chủ đã xô đẩy hàng chục vạn nông dân nghèo ở Bắc Bộ phải xuất tở ly tởng, theo chúa Nguyễn đi khai phá đồng bằng Nam Bộ. Do hoàn cảnh nghèo đói, nên ngay tại quê hương gốc, họ cũng không có điều kiện để tiếp xúc với những hệ tôn giáo lớn như Phật giáo, Nho giáo, thậm chí không có cả điều kiện tham gia vào sinh hoạt tín ngưỡng dân gian truyền thống như "đạo Mẫu"... và hành trang tinh thần, gắn với tư tưởng của họ, đem theo vào vùng đất mới, chủ yếu chỉ có một tục thờ cúng tổ tiên, Ông - Bà mà thôi. Tới đất Nam Bộ, cuộc sống dễ dàng hơn rất nhiều, khiến họ không cần phải lo tới những yêu cầu cơ bản của cuộc sống như ăn, mặc, ở..., rõ ràng đã có một sự đổi đời, họ không phải lo tới cái lo thường trực như ở quê hương gốc nữa. Và, tất nhiên trong hoàn cảnh đó thì một yêu cầu khác thuộc lĩnh vực tinh thần trở nên chiếm thế "thượng phong". Họ lục vấn tinh thần và trong hành trang tư tưởng của mình như chỉ có một tục thờ cúng tổ tiên, ông bà là hằn lên trong tâm tưởng. Cuộc sống vẫn phát triển kéo theo sự đòi hỏi cân bằng trong tư tưởng luôn được đặt ra, dẫn tới sự hụt hẫng do thiếu-bê-đỡ của tôn giáo, tín ngưỡng, khiến họ có những biểu hiện riêng biệt để đáp ứng sự thiếu hụt này. Theo như cố Giáo sư Từ Chi thì một biểu hiện cụ thể là hình thức ông "Đạo" và

gần đây có đôi nhà nghiên cứu dân tộc học văn hoá đã đặt vấn đề rằng đẩy việc thờ cúng ông bà lên đến mức độ cao cũng là một yêu cầu cần thiết, mang tính lịch sử để phần nào chống sự hụt hẫng, và đạo Ông - Bà được nảy sinh. Thực tế gọi là đạo nhưng tục này mới chỉ dừng ở mức độ rất thấp, vì tuy nó khá phổ biến song tản mạn không có hệ thần linh chung, không có hệ giáo lý mang tính chất "hình nhi thượng học" (trừu tượng) bàn về vũ trụ quan và nhân sinh quan. Như vậy, thực tế đạo thờ Ông - Bà ở phía Nam nước ta vẫn xuất phát từ miền đất gốc, chỉ khác trong mối ứng xử do những điều kiện và môi trường sống có khác nhau mà thôi. Tới nay, nhìn chung Ban thờ tổ tiên của khắp mọi miền đất nước đều xuất phát từ một tinh thần tương đồng, lấy ý thức tôn sùng làm trọng và ít nhiều vẫn tùy thuộc vào kinh tế của từng gia đình mà Ban thờ tổ tiên thể hiện đơn giản hoặc phức tạp khác nhau.

Tạm lấy những Ban thờ tổ tiên phổ biến của những gia đình ít nhiều chịu ảnh hưởng của đạo Phật và tín ngưỡng dân gian phổ biến làm ví dụ⁽¹⁾. Quan niệm chung nhất của người xưa và nhiều gia đình còn "nề nếp" hiện nay thường cho rằng tổ tiên là thần linh của chính dòng họ và gia đình đó, mà trong quan niệm chia vũ trụ làm ba tầng thì thần linh thường ở tầng trên, nơi thiêng liêng gắn với bầu trời, vì thế Ban thờ cũng là một biểu tượng của bầu trời tinh khiết. Về nguyên tắc nơi đây phải được thanh tịnh và mang tư cách nơi để thông tam giới, để con người làm lễ thông linh. Vì thế, người ta thường bày Ban thờ thích hợp với những yêu cầu đó. Cụ thể là, để biểu tượng cho bầu trời thì ở hai góc ngoài của ban thờ phải có hai cây đèn hoặc nến để tượng trưng cho mặt trời (đặt phía bên trái ban thờ) và cho mặt trăng (bên phải ban thờ). Bát hương ở giữa để tượng cho tinh tú. Trong quá trình phát triển của tín ngưỡng thì sự hội nhập những yêu cầu tâm linh của con người vào Ban thờ là lẽ tất yếu, nhất là theo ước vọng cầu phúc luôn thường trực của cư dân nông nghiệp nước ta. Họ luôn mong có nguồn sinh khí của trời cha truyền xuống cho muôn loài sinh sôi, cho cây cối phát triển, cho mùa màng bội thu, nên thông thường trong bát hương bao giờ cũng có một trụ cắm hương vòng. Trụ này mang tư cách trục vũ trụ, cái gạch nối của tầng trên với tầng dưới là con đường chuyển tải sinh



Ban thờ họ, Thanh Oai, Hà Tây - Ảnh: T.L Viện Bảo tồn di tích

khí (nên chỉ có thể chấp nhận là màu đỏ), nhờ đó mà hạnh phúc tràn đầy, nên giữa thân cây hương bao giờ cũng có chữ Hỷ. Nhiều gia đình giàu có, hay ở nhiều di tích đã nhìn nhận trực vũ trụ này dưới dạng một cây "thiên mệnh" nên đôi khi thay bằng một cành "trầm" hay "kỳ nam" khúc khuỷu.

Trong nhận thức của người Việt cũng như nhiều cư dân trên thế giới xưa kia, người ta đã sớm nhận ra: Hình như có một thế lực siêu phàm nào đó, vô hình, có khả năng chi phối đến thế gian và mọi kiếp đời. Một yêu cầu tâm linh từ cổ đại được đặt ra là làm thế nào tiếp cận với thế lực siêu hình này. Người xưa không tìm thấy thế lực đó trên mặt đất và ở dưới mặt đất, nên đã có ý thức đẩy lên tầng trên. Song, con người không thể tự đi lên trời, chỉ tới khi tìm ra lửa và đưa vào sinh hoạt văn hóa người ta mới nhận ra rằng có lửa thì có khói, khói thường bao giờ cũng bay lên, vì thế mới nhờ khói để chuyển những ước vọng của mình lên các tầng thiên liêng. Cụ thể những người châu Phi đen và rất nhiều cư dân khác, trong đó có cả người Việt

ngày nay (lễ hội Lồng Tồng – xuống đồng) thường đốt một đồng lửa rất lớn rồi nhảy múa xung quanh (những cư dân thờ mặt trời thường múa tập thể, đi ngược chiều kim đồng hồ). Động tác của họ thường liên hệ tới yêu cầu sinh sôi phát triển, mà phần nào biểu hiện ra ở những động tác liên quan đến đôi vú, bụng và hông v.v... Con người đã dùng chính bản thân thông qua lửa, khói để gửi những hình ảnh lên thần linh như muốn nhắc nhở rằng: Hỡi các đấng siêu linh quyền năng vô lượng hãy theo gợi ý của chúng tôi đây mà ban phát cho trần gian nguồn của cải vô biên để con người tràn đầy hạnh phúc.

Trên dòng trôi chảy của văn hóa, dần dần ở phương Đông, với sự kính trọng người ta đã hội vào đèn hương (hương có nghĩa là thơm) để dâng lên thần linh lòng sùng kính tối thượng của mình... Từ đó chúng ta có thể hiểu rằng trong mỗi giao tiếp với thần linh và tổ tiên thì hương – lửa là điều không thể thiếu, mà hương nến bắt buộc phải tạo khói mới có khả năng thông linh. Hiện nay do nhận thức vượt ra ngoài

truyền thống và không gian tâm linh, người ta đã “đùa giỡn” với các đấng thiêng liêng bằng thứ hương nến điện. Có thể coi hình thức này là sự suy lạc của tín ngưỡng và vì đời hơn vì đạo. Có nghĩa hương nến điện chủ yếu để trang trí nhiều hơn là sự kính cẩn và thông linh.

Ở trên trục trung tâm của Ban thờ, ngay sau bát hương thường để một chiếc Tam sơn dạng như chiếc ý có ba cấp chêng lệch. Tam sơn (đỉnh núi ba ngọn) tượng trưng cho gạch nối giữa trời và đất với ý thức chuyển tải sinh lực từ tầng trên xuống tầng dưới. Trên tam sơn thường đặt ba cái đài đựng ba chén nước trong. Người Việt vốn dĩ là nông dân, nên rất trọng nước, vì thế ba chén nước trong này vừa là nước thiêng đồng thời cũng tượng trưng cho hạnh phúc tràn vào cõi thế (không để rọu hoặc nước chè).

Phía sau Tam sơn (với một số Ban thờ của gia đình bình thường), đa số xếp một cái đỉnh ba chân (những đỉnh bốn chân thường là sản phẩm muộn), nắp đỉnh được thể hiện phổ biến hình một con lân trong tư thế nhìn ra. Người xưa quan niệm rằng lân là hiện thân của sức mạnh tầng trên, của sự trong sáng và trí tuệ, nên nó có trách nhiệm kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương (kiểm soát sự trong sáng của con cháu khi đứng trước Ban thờ). Đây là đỉnh trầm, nó chỉ thiêng nhờ chất liệu bằng đồng/đất nung và khói thơm. Đỉnh phải được đặt một chân đưa ra



Ban thờ họ, Thanh Oai, Hà Tây - Ảnh: T.L Viện Bảo tồn di tích

phía trước, hai chân để phía sau, nhằm biểu tượng cho chính nhân quân tử. Mỗi chân của đỉnh còn được coi là một con “quỳ”, linh vật có đầu giống hổ phù và chỉ có một chân mà thôi. Từ thời Khổng Tử đã đề cập đến linh vật này và cho rằng sự xuất hiện của nó gắn liền với sự xuất hiện của thánh nhân (người tài giỏi, xuất thế cứu đời). Tinh thần này phù hợp với ước vọng truyền đời của người dân Việt, trong ý thức:

Phi trí bất hưng
Phi thương bất phú
Phi công bất hoạt
Phi nông bất ổn

Ở một số gia đình giàu có khá giả, thường đằng sau chiếc đỉnh có đặt một khám thờ được chạm trổ rất kỹ, khám có mái mũi lượn hoặc mái chày xuống phía sau, mặt trước tạo "cửa võng" theo lối "trướng rủ màn che", điểm xuyết những đề tài hoa, lá, rồng cùng các linh vật khác... đã tạo thêm sự linh thiêng và vẻ đẹp uy nghi cho Ban thờ. Khám có cửa ở phía trước, hé mở vào ngày giỗ tết, trong lòng khám thường chỉ để một bài vị chung, hoặc bài vị ông tổ của dòng họ. Xưa kia, với các nhà thờ họ còn có nhiều bài vị của các tổ nối dòng được đặt ở hai bên, theo thứ tự: Thế hệ lẻ ở bên trái, thế hệ chẵn ở bên phải. Cũng có khi, tùy thuộc vào "công lao" mà người nữ đóng góp đối với dòng họ thì cũng được đặt thờ ở đây. Chẳng hạn từng cặp vợ chồng thì (trong cách nhìn ra) chồng ở bên trái, vợ ở bên phải, còn những người phụ nữ hoàn tông nhân (trở lại họ mình) hoặc bà Cô thiêng thì chắc chắn để ở bên phải khám thờ.

Ban thờ của người Việt còn chịu ảnh hưởng của đạo Phật và tín ngưỡng dân gian, vì thế ở hai bên của chiếc đỉnh, cũng thường được bày theo cách: "Đông bình, Tây quả". Có nghĩa là bên trái của đỉnh đồng thường chỉ đặt một chiếc bình không (độc bình). Những người theo Phật giáo cho rằng tuy đây là một điểm nhấn về nghệ thuật ở trên Ban thờ, song ý nghĩa Phật triết còn cao hơn, vì nó tượng trưng cho tâm không của nhà Phật, để nói lên bản thể chân như, tức cốt lõi chung của muôn loài, muôn vật. Từ đó đưa tới ý thức đại từ tâm... Bình này cùng lắm chỉ sử dụng để cắm cành đào ngày tết với ý thức cho tâm thanh, lòng tĩnh và hạnh phúc tràn đầy. Vì cành đào khúc khửu như hình tượng của cây thiên mệnh (cây chứa đầy sinh khí và quyền lực). Hoa đào màu đỏ tượng trưng cho sức sống vô biên, cành đào còn mang nghĩa trừ tà ma, giữ yên bình cho con người, cắm trong độc bình có nghĩa như một lời nhắc nhở với những Phật tử: Hãy vén đám mây mù ngu tối che đầy thân tâm thì tự nhiên ánh sáng trí tuệ sẽ rọi tới... Phía bên phải của đỉnh đồng thường để một mâm bồng thấp đựng quả, tượng cho "ngũ phúc lâm môn". Gồm Phú: Giàu có, Quý: Sang trọng, Thọ: Sống lâu, Khang: Khỏe mạnh, Ninh: Yên ổn; cũng tượng trưng cho nguồn của cải năm phương đổ về, tạo nên sự trù phú viên mãn. Thông thường đó

là nải chuối xanh tượng trưng cho phương Đông, bưởi vàng tượng trưng cho Trung phương, hồng đỏ: Nam phương, lê trắng: Tây phương, một quả sẫm màu: cho phương Bắc, năm quả này tùy theo điều kiện mà có thể thay thế, song màu thì ít thay đổi. Cũng có người nói năm quả tượng cho ngũ hành (trong trường hợp không có đỉnh đồng, mà thay bằng bàn tròn thái cực). Người Việt thường hay kết hợp những ý nghĩa về các loài quả với việc cầu sinh sôi phát triển. Nên cũng hay sử dụng quả có nhiều hạt, nhiều múi, chùm.

Như trên đã nói, Ban thờ tổ tiên được coi như tầng trời nên cần phải thanh tịnh. Vì thế đồ lễ đặt ở đây thường chỉ là hương hoa, dâng/đền, trà, quả, thực/oản, Ban thờ này không có đồ mặn của trần gian. Về hoa, bình thường cũng thường để ở hai góc trong hai cành hoa giấy, mà ở trung tâm mỗi cành là một bông cúc cách điệu lớn được bao quanh bởi mười bông cúc nhỏ, bông hoa cúc trung tâm màu vàng, thường đặt bên trái để tượng cho ngày, bông cúc trung tâm màu trắng đặt bên phải tượng cho đêm, các bông cúc nhỏ tượng cho tinh tú. Nhiều gia đình cũng sử dụng hoa tươi để biểu hiện sự thành kính của mình. Song, hoa tươi mang kiếp phù du nên nó ít có vị trí ổn định, tuy vậy nó cũng được đặt ở hai bên bàn thờ sao cho cân xứng.

Vào những ngày giỗ tết, lòng thành kính của con cháu muốn dâng lên những "kiếp đời đã qua" một số đồ mặn, thì các đồ này thường được đặt ở một bàn phụ phía trước, thấp hơn Ban thờ chính chút ít. Nhiều gia đình cầu kỳ thường lấy con số chín (là số phiếm chỉ, tượng cho số nhiều, đầy đủ) nên kích thước của mọi Ban thờ dù chính dù phụ, ngang, dọc đều chia hết cho con số chín, người ta tin rằng với con số này thì sức linh của tổ tiên ứng cho con cháu được đủ đầy hơn.

Một đặc điểm khác, xuất phát từ bản sắc chung của dân tộc, nhiều gia đình hiểu biết đã đặt Ban thờ tổ tiên không theo cách thức của phương Bắc, vì họ cho rằng người phương Bắc gần gũi với yếu tố âm, phương Nam gần với yếu tố Dương, nên áp dụng cách thức của phương Bắc vào phương Nam thường không thích hợp. Mặt khác, từ cách đây hơn 2000 năm, đời Thương - Chu, sự phân hóa xã hội ở Trung Hoa đã khá mạnh, quyền lực tập trung

trong tay lãnh chúa... dẫn đến vai trò của cá nhân có quyền lực được đề cao. Còn ở đất Việt, tính dân chủ tập thể trên nền tảng ruộng đất công vẫn còn tồn tại đến giữa thế kỷ 20, ý thức cộng đồng mạnh hơn ý thức cá nhân (trong đó có ý thức bảo vệ đất nước) nên trong tín ngưỡng của người Việt ít thấy biểu lộ tính chất vì con người cụ thể đang có mặt trên thế gian này mà Ban thờ phải quay hướng cho thích hợp. Ban thờ chủ yếu vì thần linh, có nghĩa là vì vẻ đẹp thánh thiện của con người và vì những kiếp đời đã qua.

Thực tế cho thấy hướng của Ban thờ người Việt xưa nay không lệ thuộc vào bất kể một cá nhân nào với tuổi tác của họ. Nếu có sự không thích hợp về hướng thì người đó cần né tránh đi, dù là trưởng tộc, có nghĩa không thể quay hướng Ban thờ theo tuổi tác của người đang sống. Ban thờ của người Việt, bình thường được theo hai hướng cơ bản: Hướng Tây hoặc hướng Nam, vì hướng Tây hợp với quy luật của âm dương đối đãi, nên thần ngồi yên vị, lúc nào tổ tiên cũng ở cùng con cháu, hướng Nam là hướng của Bát nhã, tức trí tuệ nhờ trí tuệ nên diệt trừ được ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Vì thế Ban thờ quay hướng Nam là hướng tối thiện căn trên nền tảng trí tuệ. Hướng Nam cũng là hướng của sinh khí, hạnh phúc tràn đầy với mọi sự hanh thông, đồng thời cũng là hướng đề cao thần linh và tổ tiên (thánh nhân nam diện nhi tính thiên hạ).

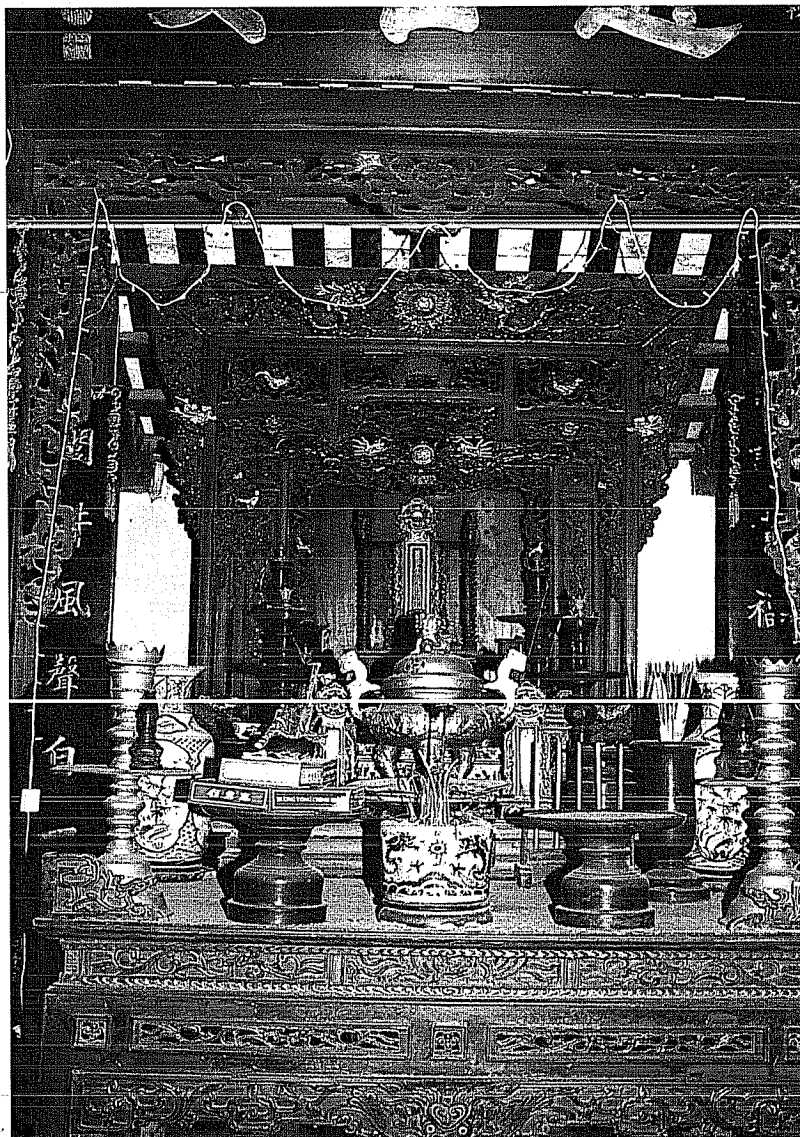
Một đặc điểm khác của người xưa, nhất là đối với nơi thờ tự, người ta thường để Ban thờ sát mặt đất, nền nhà gắn với Ban thờ hầu như không bao giờ lát, chỉ nện chặt mặt đất dưới nhiều hình thức khác nhau, nhằm mục đích tránh cho âm dương cách trở, để mọi sự hanh thông, dài dòng lớn họ v.v... Vào khoảng thế kỷ 18 về sau,

Nguyễn Hải Ninh - Vài nét về Ban thờ tổ tiên của người Việt

để tránh sự mối mọt và ẩm thấp, người ta buộc phải lát nền nhà bằng gạch có khả năng hút ẩm, nhưng dưới Bát hương chính thường được để một huyệt lộ đất không lát, hoặc đặt vào đó một phiến đá dày. Tất cả chỉ nhằm mục đích thông tam giới (trời đất và thế gian). Hiện tượng lát như hiện nay bằng gạch men sang trọng đã biến cõi thiêng liêng nhòe vào cõi trần tục, khiến "rác rưởi" của cuộc đời (chủ yếu thuộc lĩnh vực tâm linh) ụp vào chốn tôn nghiêm và bản sắc phần nào bị cạn mòn.

H.N

(1) Để hình thành bài viết này, chúng tôi có sử dụng tài liệu của Trần Lâm và nhiều nhà nghiên cứu khác. Chúng tôi xin được gửi lời cảm tạ.



Ban thờ họ, Thanh Oai, Hà Tây - Ảnh: T.L Viện Bảo tồn di tích